

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HỎA PHÁT DUNG QUẤT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HỎA PHÁT DUNG QUẤT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110183437

**3. Ngày thành lập:** 17/11/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 35 đường Đê La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0359.280.179

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                               | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                          | 4329     |
| 2.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                | 4511     |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 4530     |
| 4.  | Bán mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                  | 4541     |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)              | 4543     |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý (Không bao gồm hoạt động đấu giá)                | 4610     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                         | 4659     |
| 8.  | Lập trình máy vi tính                                                                                   | 6201     |
| 9.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                  | 7710     |
| 10. | Bán buôn tổng hợp                                                                                       | 4690     |
| 11. | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                                                                 | 0899     |
| 12. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                          | 1079     |
| 13. | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                           | 1101     |
| 14. | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia                                                                      | 1103     |
| 15. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                 | 1104     |
| 16. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                          | 1410     |
| 17. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                 | 1622     |
| 18. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                     | 1702     |

|     |                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Sản xuất sắt, thép, gang<br>Chi tiết:<br>- Điều hành lò luyện kim, máy chuyển thành thép, cán và hoàn thiện;<br>- Sản xuất xỉ thép, sản xuất gang thành xỉ, tấm và các dạng ban đầu khác;<br>- Sản xuất hợp kim sắt; | 2410(Chính) |
| 20. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                        | 2431        |
| 21. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                       | 2511        |
| 22. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                           | 2512        |
| 23. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                     | 2591        |
| 24. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                         | 2592        |
| 25. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                          | 2599        |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                     | 4932        |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                       | 4933        |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay<br>(Không bao gồm hoạt động sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải... đường hàng không)                                   | 5229        |
| 29. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                            | 5510        |
| 30. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                     | 5610        |
| 31. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                       | 7730        |
| 32. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                       | 7911        |
| 33. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                 | 3290        |
| 34. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                           | 3312        |
| 35. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                     | 3830        |
| 36. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                 | 4752        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông             | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                     | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | MẠC THỊ<br>NGỌC         | Số 35 đường<br>Nguyễn Trãi,<br>Phường Khương<br>Trung, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 6.000         | 60.000.000               | 2,000        | 0641820000<br>03                                                                                                       |            |
|     |                         |                                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                        | Tổng số                            | 6.000         | 60.000.000               | 2,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>PHƯƠNG<br>HOA | Phòng 304, nhà<br>B1 Tập thể Thành<br>Công, phố Thành<br>Công, Phường<br>Thành Công,<br>Quận Ba Đình,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 6.000         | 60.000.000               | 2,000        | 0011800011<br>18                                                                                                       |            |
|     |                         |                                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                        | Tổng số                            | 6.000         | 60.000.000               | 2,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                 |                           |         |               |        |              |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ HẠNH | Số 26 phố Hàng Lược, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 288.000 | 2.880.000.000 | 96,000 | 025173000313 |
|   |                 |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                 | Tổng số                   | 288.000 | 2.880.000.000 | 96,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HẠNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/11/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025173000313

Ngày cấp: 25/08/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 26 Hàng Lược, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 26 Hàng Lược, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội